Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 /2020/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự ngày 19 tháng 5 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ;

Căn cứ Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong vùng trời Việt Nam và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong vùng trời Việt Nam.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ sử dụng cho mục đích công vụ.

Điều 3. Khu vực cấm bay

1. Khu vực các công trình quốc phòng và khu quân sự đặc biệt quan trọng do Chính phủ ủy quyền cho Bộ Quốc phòng trực tiếp chỉ đạo việc quản lý, bảo vệ.

Khoảng cách từ tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động đến ranh giới khu vực cấm theo chiều ngang không nhỏ hơn 500 m ở mọi độ cao.

2. Khu vực trụ sở làm việc.

Khu vực trụ sở làm việc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành trung ương; trụ sở Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trụ sở các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Khoảng cách từ tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động đến ranh giới khu vực cấm theo chiều ngang không nhỏ hơn 200 m ở mọi độ cao.

3. Khu vực quốc phòng, an ninh.

Khu vực đóng quân; khu vực triển khai lực lượng, trang bị chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện chiến đấu, bảo vệ mục tiêu; khu vực kho tàng, nhà máy, căn cứ (trung tâm) hậu cần, kỹ thuật, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ của các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; khu vực các công trình trong danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Khoảng cách từ tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động đến ranh giới khu vực cấm theo chiều ngang không nhỏ hơn 500 m ở mọi độ cao.

4. Khu vực cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay hàng không dân dụng, quân sự.

a) Đối với sân bay có 01 đường cất, hạ cánh, phạm vi cấm được giới hạn trong khu vực hình chữ nhật được xác định từ vị trí ngưỡng tại hai đầu của đường cất, hạ cánh mở rộng và kéo dài ra phía ngoài hai đầu đường cất, hạ cánh đến 15000 m và từ đường tim của đường cất, hạ cánh mở rộng sang hai bên 5000 m ở mọi độ cao;

b) Đối với sân bay có từ 02 đường cất, hạ cánh trở lên thì phạm vi cấm được giới hạn khu vực hình chữ nhật, được xác định từ vị trí ngưỡng của đường cất, hạ cánh xa nhất theo chiều cất, hạ cánh của tàu bay, mở rộng và kéo dài ra phía ngoài hai đầu đường cất, hạ cánh đến 15000 m và mở rộng sang hai bên 5000 m tính từ đường tim của 02 đường cất, hạ cánh ngoài cùng ở mọi độ cao (chi tiết tại hình vẽ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này);

c) Đối với một số khu vực cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay hàng không dân dụng với tần suất nhỏ hơn 06 chuyến mỗi ngày cho phép áp dụng khu vực cấm bay linh hoạt. Nhưng, không được bay phía trong ranh giới khu vực cảng hàng không, sân bay; không được bay trong thời gian trước và sau 01 giờ so với thời gian có hoạt động của tàu bay có người lái tại cảng hàng không, sân bay; chỉ bay khi được sự đồng ý của cơ quan quản lý, điều hành bay quân sự và cơ quan quản lý hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay đó.

5. Khu vực nằm trong giới hạn của đường hàng không, các vệt bay, hành lang bay đã được cấp phép trong vùng trời Việt Nam, phạm vi giới hạn của đường hàng không được nêu trong Tập thông báo tin tức hàng không của Việt Nam "AIP Việt Nam" do Cục Hàng không Việt Nam công bố.

6. Trong trường hợp đặc biệt vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc theo đề nghị của các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo an toàn bay, trật tự an toàn xã hội, Bộ Quốc phòng quyết định hạn chế bay tạm thời hoặc cấm bay tạm thời đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ tại một hoặc một số khu vực trong lãnh thổ Việt Nam; quyết định này có hiệu lực ngay.

Điều 4. Khu vực hạn chế bay

1. Khu vực vùng trời có độ cao lớn hơn 120 m so với địa hình (không bao gồm vùng trời các khu vực cấm bay quy định tại Điều 3 Quyết định này).

2. Khu vực tập trung đông người.

3. Khu vực biên giới.

a) Biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc là 25000 m tính từ đường biên giới trở vào nội địa Việt Nam ở mọi độ cao;

b) Biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với Lào, Việt Nam với Campuchia là 10000 m tính từ đường biên giới trở vào nội địa Việt Nam ở mọi độ cao.

4. Khu vực tiếp giáp với khu vực cấm bay tại cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay hàng không dân dụng, tàu bay quân sự mở rộng ra phía ngoài 3000 m theo chiều rộng, 5000 m theo chiều dài, tính từ ranh giới khu vực cấm bay tại cảng hàng không, sân bay; độ cao nhỏ hơn 120 m so với địa hình (chi tiết tại hình vẽ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

5. Việc tổ chức các hoạt động bay của tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong khu vực hạn chế bay phải đáp ứng các yêu cầu của cơ quan cấp phép bay.

Điều 5. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Quốc phòng.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các ban, bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

xác định và công bố thông tin chi tiết các khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ tại từng địa phương và đăng trên Cổng thông điện tử của Bộ Quốc phòng; quy định việc quản lý khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.

2. Bộ Công an.

Phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong phạm vi do Bộ Công an quản lý; tham gia xây dựng quy định và triển khai biện pháp quản lý khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.

3. Bộ Giao thông vận tải.

Phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ khu vực cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay hàng không dân dụng và các khu vực trong phạm vi do Bộ Giao thông vận tải quản lý; tham gia xây dựng quy định và triển khai biện pháp quản lý khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.

4. Trách nhiệm của các ban, bộ, ngành liên quan.

Phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong phạm vi do ban, bộ, ngành quản lý; tham gia xây dựng quy định và triển khai biện pháp quản lý khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các ban, bộ, ngành liên quan xác định khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ trong phạm vi địa phương quản lý và đăng trên Cổng thông tin điện tử của địa phương; triển khai các biện pháp quản lý khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và tương đương thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định này được sử dụng trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2020.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b) 110

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

SƠ ĐỒ KHU VỰC CẤM BAY, HẠN CHẾ BAY

(Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Hình 1: Sân bay có 01 đường cất, hạ cánh

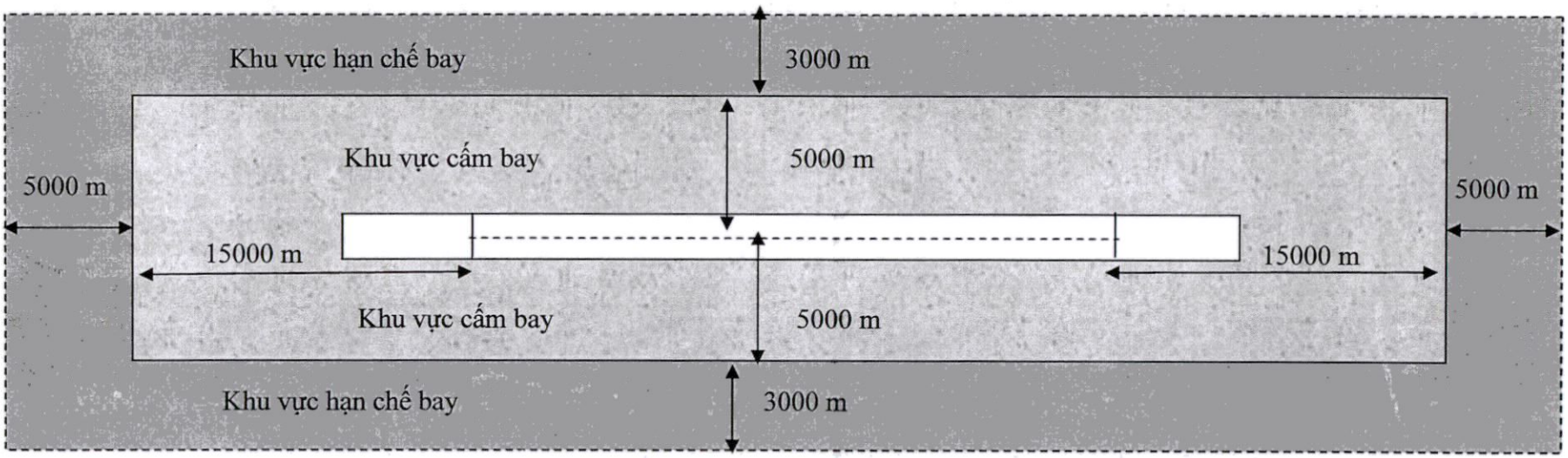
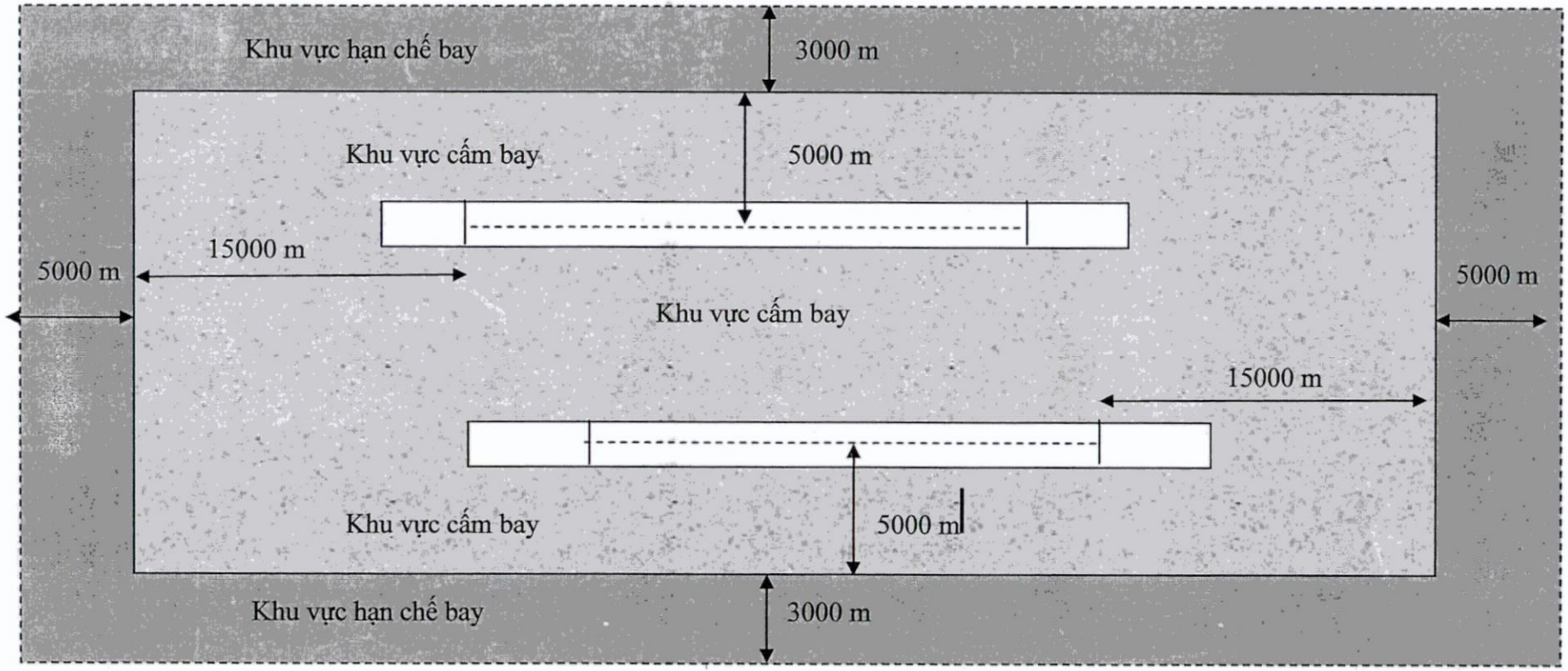
Hình 2: Sân bay có 02 đường cất, hạ cánh